

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 266/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Nguyễn Quang Đ** - Sinh năm 1987.

Nơi cư trú: SN 01/17/77 **Đ**, phường **Đ**, thành phố **T**, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị **Lê Thị D** - Sinh năm 1994.

ĐKNKTT tại: **S Đ**, phường **Đ**, thành phố **T**, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: **P**, nhà 2, **Đ** Chung cư **M**, phường **Đ**, thành phố **T**, tỉnh Thanh Hóa

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 5 năm 2024, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh **Nguyễn Quang Đ** và chị **Lê Thị D** kết hôn năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T**. Quá trình vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được 03 năm, thì đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm cách sống của hai người không hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm và ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến nhau. Nay anh, chị đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn

nhân không đạt yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang Đ và chị Lê Thị D.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lê Thị D thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng B - Sinh ngày 26/01/2016 và cháu Nguyễn Lê Thành V - Sinh ngày 22/11/2017.

Anh chị thỏa thuận về việc nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau:

Chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B.

Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 4.500.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu V thành niên. Chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu B thành niên

Hai bên có quyền đi lại chăm sóc giáo dục con chung, không bên nào được ngăn cấm.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lê Thị D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thỏa thuận anh Đ chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang Đ và chị Lê Thị D.

- Về con chung: Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lê Thị D thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng B - Sinh ngày 26/01/2016 và cháu Nguyễn Lê Thành V - Sinh ngày 22/11/2017.

Anh chị thỏa thuận về việc nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau:

Chị Lê Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Thành V, anh Nguyễn Quang Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng B.

Anh Nguyễn Quang Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Thành V

mỗi tháng 4.500.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu **V** thành niên. Chị **Lê Thị D** tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Hoàng B** mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu **B** thành niên

Hai bên có quyền đi lại chăm sóc giáo dục con chung, không bên nào được ngăn cấm.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh **Nguyễn Quang Đ** và chị **Lê Thị D** không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Nguyễn Quang Đ** chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số BLTU/23/0001427 ngày 16/04/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (anh **Đ** đã nộp đủ lệ phí).

*Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Thọ, TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

